

TÊN

NGÀY

TIẾT HỌC

Tài liệu hỗ trợ gia đình

Các bài toán có lời văn về phép cộng và phép trừ

Trong bài học này, học sinh giải các dạng bài toán mới trong phạm vi 10. Học sinh phát triển sự hiểu biết về ý nghĩa của dấu bằng và liên kết các bài toán có lời văn với các phương trình.

Phần A: Dạng bài toán thêm/bớt

Trong phần này, học sinh xem lại các dạng bài toán quen thuộc. Học sinh lần đầu tiên giải toán chính thức với các phương trình. Học sinh viết các phương trình như $2 + 7 = \boxed{9}$ và học cách vẽ một ô xung quanh câu trả lời cho câu hỏi trong bài toán có lời văn. Học sinh giải các bài toán trong đó các em phải tính xem số lượng thêm vào là bao nhiêu:

Diego có 7 cây bút chì.

Em gái của bạn ấy đã đưa cho bạn một số cây bút chì.

Bây giờ Diego có 9 chiếc bút chì.

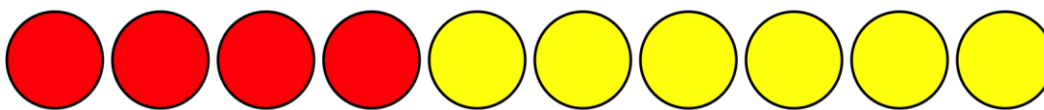
Em gái của Diego đã cho bạn ấy bao nhiêu cây bút chì?

Học sinh thấy rằng những bài toán này có thể được giải bằng phép cộng hoặc phép trừ. Học sinh có thể giải bài toán này bằng cách đếm từ 7 đến 9 và viết phương trình $7 + \boxed{2} = 9$. Học sinh cũng có thể giải bài toán này bằng cách lấy 7 từ 9 và viết phương trình $9 - 7 = \boxed{2}$.

Phần B: Các bài toán gộp/tách

Trong phần này, học sinh giải các bài toán trong đó hai nhóm được gộp lại với nhau. Trong một số bài toán, học sinh tìm tổng, và trong những bài toán khác, tổng được cho trước và các em tìm nhóm còn thiếu. Học sinh giải các bài toán trong bối cảnh trò chơi Shake and Spill, một trò chơi sử dụng thẻ đếm hai màu. Các thẻ đếm được cho vào cốc và đổ ra ngoài. Học sinh quan sát những gì các em nhìn thấy hoặc những sự kết hợp khác nhau có thể xảy ra.

Tyler đang chơi Shake and Spill. Trong vòng đầu tiên, bạn ấy đã đổ những thẻ đếm này.



Viết 2 phương trình biểu diễn thẻ đếm của mình.

Trình bày các kết hợp khác của thẻ màu đỏ và màu vàng mà Tyler có đổ.

TÊN

NGÀY

TIẾT HỌC

Với dạng bài toán này, học sinh có thể xem xét các loại phương trình khác nhau, chẳng hạn như các phương trình có tổng trước dấu bằng ($7 = 4 + 3$).

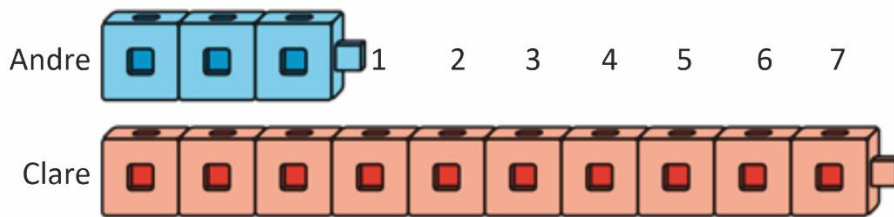
Phần C: Các bài toán có lời văn về so sánh

Trong phần này, học sinh giải các bài toán có lời văn trong đó các em tìm “một nhóm nhiều hơn bao nhiêu” hoặc “ít hơn bao nhiêu” so với nhóm khác, chẳng hạn như:

*Có 8 lọ keo khô và 3 chiếc kéo ở quầy mỹ thuật.
Hỏi số kéo ít hơn số lọ keo khô là bao nhiêu?*

Học sinh suy nghĩ về mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ. Học sinh bắt đầu bằng việc cân nhắc xem cần thêm độ dài bao nhiêu để hai tháp có cùng chiều dài. Ví dụ:

Clare có nhiều hơn Andre bao nhiêu khối lập phương?



Đối với dạng toán này, học sinh có thể đếm các khối còn lại trong tháp của Clare để tìm câu trả lời. Học sinh có thể bắt đầu từ 3 và đếm đến 10 hoặc bắt đầu từ 10 và đếm ngược đến 3. Học sinh phân tích cả phương trình cộng ($3 + 7 = 10$) và trừ ($10 - 3 = 7$).

Phần D: Tất cả các dạng toán có lời văn

Phần này kết hợp kiến thức trong từng bài học với nhau khi học sinh giải nhiều loại bài toán khác nhau và hiểu các phương trình bằng ký hiệu của ẩn số, chẳng hạn như $10 = \square + 6$.

Thực hành tại nhà!

Gần cuối bài học, hãy yêu cầu học sinh giải các bài toán có lời văn sau:

1. Clare có 8 cây bút chì. Andre có 10 cây bút chì. Andre có nhiều hơn bao nhiêu cây bút chì?
2. Diego có 6 cây bút. Mẹ đã cho bạn ấy một số cây bút. Bây giờ bạn ấy có 9 chiếc bút. Mẹ của Diego đã cho bạn ấy bao nhiêu cây bút?

Các câu hỏi có thể hữu ích khi học sinh làm toán:

- Con lập sơ đồ bài toán như thế nào?
- Con có thể đếm hoặc lấy đi để tìm ra câu trả lời như thế nào?

TÊN

NGÀY

TIẾT HỌC

- Con có thể viết phương trình nào để biểu diễn bài toán này?



Bản quyền © CC BY 2021 của Illustrative Mathematics®